

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA BÌNH, TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 23-8-2019

V/v tranh chấp ly hôn giữa chị L và anh H.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA BÌNH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Mạnh Diễn;
2. Ông Hoàng Đăng Đán.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Cường – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXX-ST ngày 19 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1995, có mặt;

Địa chỉ:

- SQ: Thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Cạn;

- TQ: Thôn H, xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

2. Bị đơn: Anh Phùng Văn H, sinh năm 1993, vắng mặt;

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*. Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 4 năm 2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Hoàng Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phùng Văn H kết hôn ngày 06/01/2014, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Sau khi kết hôn, hai bên chung sống với nhau ngay. Quá trình chung sống, thời gian đầu hòa thuận và hạnh phúc. Tuy nhiên, từ cuối năm 2015 vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp. Đến cuối năm 2016, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân. Nay chị xét thấy tình cảm không còn và không có khả năng đoàn tụ, nên chị xin ly hôn anh H;

- Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là cháu Phùng Văn Dương P, sinh ngày 06/01/2015. Hiện cháu khỏe mạnh và đang ở với anh H.

Ly hôn, chị xin được nuôi dưỡng cháu P. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị cho rằng chị đảm bảo các điều kiện về mặt tinh thần cũng như vật chất để nuôi con chung. Hiện chị đang làm lao động tự do thu nhập bình quân 6.000.000 đồng/tháng (chị chỉ có lời trình bày, chứ không có tài liệu chứng cứ nào giao nộp cho Tòa án để làm căn cứ).

Cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- *Về chia tài sản:* Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn.

*. Đối với bị đơn là anh Phùng Văn H: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án kết hợp với địa phương (UBND xã Đ) tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án về việc giải quyết vụ án dân sự theo quy định của pháp luật cho anh H, nhưng anh H không chấp hành nên Tòa án không tiến hành lấy lời trình bày của anh H cũng như tiến hành hòa giải được.

*. Tại biên bản làm việc ngày 14/6/2019 và ngày 29/4/2019 giữa Tòa án nhân dân huyện Gia Bình với UBND xã Đ và với Trưởng thôn H, xã Đ cũng đều cung cấp những nội dung phù hợp với những nội dung như chị L trình bày.

*. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đã tuân thủ đầy đủ và đúng theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự (trừ bị đơn).

- Việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị:

+ *Về hôn nhân*: Cho chị L được ly hôn anh H.

+ *Về nuôi con chung*: Giao cháu P cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Không đề cập giải quyết.

+ *Về chia tài sản*: Không đề cập giải quyết.

+ *Về án phí*: Buộc chị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1. *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa mở lại hôm nay, bị đơn là anh Phùng Văn H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.]

[2. *Về hôn nhân*: Nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị L và anh Phùng Văn H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều kiện kết hôn, nên hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không tiến hành hòa giải được (bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn có tình vắng mặt), chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn; còn anh H trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành báo gọi lên giải quyết và hòa giải nhiều lần, nhưng anh H không đến, hơn nữa tại phiên tòa mở lại hôm nay, anh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, chứng tỏ anh H nhằm gây khó khăn và thực sự không có thiện chí đoàn tụ.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa hai bên đã ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị L được ly hôn anh H là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.]

[3. *Về nuôi con chung*: Xét thấy, sau khi ly hôn vợ chồng phải có nghĩa vụ nuôi dưỡng con chưa thành niên, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con và con còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ; điều kiện nuôi con của hai bên, nên cần giao cháu P cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở là phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Cấp dưỡng nuôi con chung: Do các bên không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập xem xét. Tuy nhiên, sau này các bên vẫn được quyền yêu cầu bằng vụ việc dân sự khác theo quy định của pháp luật.]

[4. *Về chia tài sản:* Do các bên không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết. Tuy nhiên, sau này các bên vẫn được quyền yêu cầu bằng vụ việc dân sự khác theo quy định của pháp luật.]

[5. *Về án phí:* Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.]

[6. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.]

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. *Về hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị L và anh Phùng Văn H.

2. *Về nuôi con chung:*

2.1. Giao cháu Phùng Văn Dương P, sinh ngày 06/01/2015 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. *Cấp dưỡng nuôi con chung:* Không đề cập giải quyết.

3. *Về chia tài sản:* Không đề cập giải quyết.

*. *Về án phí:* Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc chị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2015/0001563 ngày 25/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Bình; chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*. *Về quyền kháng cáo:* Báo cho đương sự có mặt biết quyền được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt được quyền được kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;*
- *UBND xã Đ;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Tuyên
(Đã ký)

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

